

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2020 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bỏ trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Số vốn NSTW đã được giao KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa được giao chi tiết		Dự kiến kế hoạch năm 2021 nguồn NSTW		Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW							
	TỔNG SỐ				11.058.876	5.659.134	-	2.991.332	2.025.411	5.163.854	2.726.119	824.399	205.767	948.704	205.767	36
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2018				1.888.128	1.332.167	-	1.680.199	952.196	1.429.112	635.509	116.961	-	116.961	-	5
b	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2019 đến 31/12/2019				152.995	83.700	-	151.759	83.700	119.540	53.120	8.280	-	8.280	-	1
c	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2020 đến 31/10/2020				110.578	30.430	-	55.674	40.757	18.460	14.110	16.320	-	16.320	-	2
d	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				440.092	388.494	-	-	-	181.954	148.222	68.272	-	68.272	-	4
e	Các công trình chuyển tiếp				5.700.403	2.253.070	-	106.832	82.033	1.176.868	952.640	287.189	-	463.104	-	15
f	Công trình dự kiến KCM năm 2021				169.900	120.000	-	-	-	-	-	120.000	-	70.000	-	1
	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210				1.610	1.610	-	-	-	-	-	1.610	-	-	-	-
	Thu hồi vốn ứng trước NSTW				2.595.170	1.449.663	-	996.868	866.725	2.237.920	922.518	205.767	205.767	205.767	205.767	8
					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
A	ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN KẾT NỐI, CÓ TÁC ĐỘNG LIÊN VÙNG CÓ Ý NGHĨA THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHANH, BỀN VỮNG				2.655.270	1.000.000	-	-	-	246.000	245.000	-	-	270.000	-	1
I	GIAO THÔNG				2.655.270	1.000.000	-	-	-	246.000	245.000	-	-	270.000	-	1
e	Các công trình chuyển tiếp				2.655.270	1.000.000	-	-	-	246.000	245.000	-	-	270.000	-	1

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Số vốn NSTW đã được giao KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa được giao chi tiết		Dự kiến kế hoạch năm 2021 nguồn NSTW		Số dự án	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW							
1	- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng	20-24	132/QĐ-TTg (17/01/20) 1135 (15/5/20)	2.655.270	1.000.000				246.000	245.000	-	-	270.000		1
B	THU HỒI CÁC KHOẢN VỐN ỨNG TRƯỚC				2.595.170	1.449.663	-	996.868	866.725	2.237.920	922.518	205.767	205.767	205.767	205.767	8
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				674.527	296.018	-	149.634	146.950	557.902	210.193	52.957	52.957	52.957	52.957	4
1	- Xử lý 3 tuyến kè sạt lở cấp bách gồm: kè Phụng Tường tuyến đê hữu Ninh, huyện Trực Ninh; kè Tương Nam tuyến đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, kè Quần Khu tuyến đê hữu Ninh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	TN, NT, NH	12-14	713 (24/5/12); 111 (21/01/13); 1077A (18/6/14)	183.829	165.000	201 (01/2/16)	132.132	132.132	122.048	122.048	10.084	10.084	10.084	10.084	1
2	- Đường cứu hộ bê tông mặt đê và kè lát mái, bảo vệ đê bao vùng dân cư mới Điện Biên xã Giao An, huyện Giao Thủy	Giao Thủy	10-14	274 (29/01/10); 4798 (01/12/10) 1923 (30/11/12)	18.330	14.818	1765 (29/10/13)	17.502	14.818	10.729	8.045	6.773	6.773	6.773	6.773	1
3	- Sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Giao Thủy và sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Hải Hậu	GT, HH	07-11	929/QĐ-UBND (22/6/2012)	67.600	67.600				57.600	57.600	10.000	10.000	10.000	10.000	1
4	- Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (Tên cũ: Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp ven biển huyện Hải Hậu)	Hải Hậu	14-20	1522 (3/9/14) 587 (09/4/15) 477 (09/3/20)	404.768	48.600				367.525	22.500	26.100	26.100	26.100	26.100	1
II	GIAO THÔNG				968.000	216.000	-	-	-	960.490	123.700	7.510	7.510	7.510	7.510	1
1	- Dự án nâng cấp đô thị Nam Định	TPND	04-14	491 (21/4/03), 1583 (27/7/09); 437 (17/3/14)	968.000	216.000				960.490	123.700	7.510	7.510	7.510	7.510	1
III	VĂN HÓA				79.896	69.815		74.611	69.775	34.775	29.775	40.000	40.000	40.000	40.000	1
1	- Xây dựng Khu lưu niệm đồng chí Lê Đức Thọ tại tỉnh Nam Định	TPND	13-15	245 (7/2/13) 403 (16/3/15)	79.896	69.815	2354 (21/10/16)	74.611	69.775	34.775	29.775	40.000	40.000	40.000	40.000	1

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bỏ trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Số vốn NSTW đã được giao KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa được giao chi tiết		Dự kiến kế hoạch năm 2021 nguồn NSTW		Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW							
IV	THỀ THAO				854.177	852.000		772.623	650.000	672.623	550.000	100.000	100.000	100.000	100.000	1
1	- Xây dựng nhà thi đấu đa năng tỉnh Nam Định	TPND	12-14	954b (29/6/12) 163 (21/1/14)	854.177	852.000	2340 (20/10/16)	772.623	650.000	672.623	550.000	100.000	100.000	100.000	100.000	1
V	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC				18.570	15.830	-	-	-	12.130	8.850	5.300	5.300	5.300	5.300	1
1	- Dự án cấp nước sạch và Vệ sinh nông thôn (WB)	38 xã	06-13	804/TTg-QHQT (17/6/05)	18.570	15.830				12.130	8.850	5.300	5.300	5.300	5.300	1
C	BỎ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC ĐÃ ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020				5.638.536	3.089.471	-	1.994.464	1.158.686	2.679.934	1.558.601	498.632	-	402.937	-	26
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				3.029.085	1.799.667	-	763.891	622.725	1.302.605	1.052.469	286.884	-	111.619	-	15
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2018				569.139	489.047		478.353	432.345	430.737	319.429	3.961	-	3.961	-	2
1	- Nạo vét, kiên cố kênh Thanh Quan, thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	Xuân Trường	16-19	144 (19/01/16) 2137 (19/9/17)	115.092	100.000	2406 (30/10/18)	113.703	67.695	97.953	51.945	1.050	-	1.050		1
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy, huyện Nghĩa Hưng (Đã quyết toán hạng mục)	Nghĩa Hưng	11-18	254 (18/02/11) 1341 (11/8/11) 79 (20/01/15)	950.290	855.190				-	-	-	-	-		-
	+Xử lý các đoạn xung yếu, cấp bách				454.047	389.047	2869 (14/12/18)	364.650	364.650	332.784	267.484	2.911	-	2.911		1
b	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2019 đến 31/12/2019				152.995	83.700		151.759	83.700	119.540	53.120	8.280	-	8.280	-	1
1	- Nạo vét, kiên cố kênh Cát Xuyên (tuyến chính), thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy, huyện Xuân Trường	Xuân Trường	16-19	145 (19/01/16) 171 (21/01/19) 1504 (22/7/19)	152.995	83.700	2383 (25/10/19)	151.759	83.700	119.540	53.120	8.280	-	8.280		1
c	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2020 đến 31/10/2020				81.851	14.320		26.947	24.647	7.430	5.130	9.190	-	9.190	-	1

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Số vốn NSTW đã được giao KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa được giao chi tiết		Dự kiến kế hoạch năm 2021 nguồn NSTW		Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW							
1	- Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Giao Thủy	16-20	2462 (31/10/16) 2550 (18/11/19)	81.851	14.320	2623 (29/10/20)	26.947	24.647	7.430	5.130	9.190	-	9.190		1
d	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				82.539	71.800	-	-	-	63.900	55.600	2.084	-	2.084	-	1
1	- Nâng cấp, cải tạo trung tâm giống thủy sản tỉnh Nam Định	Mỹ Lộc, Giao Thủy	14-19	1861 (17/10/14) 2081 (25/9/18)	82.539	71.800				63.900	55.600	2.084	-	2.084		1
e	Các công trình chuyển tiếp				2.142.561	1.140.800		106.832	82.033	680.998	619.190	263.369	-	88.104	-	10
1	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê hữu sông Hồng và đê tả sông Đào, TP Nam Định (Đã quyết toán hạng mục)	TPND	11-24	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20)	996.345	351.533	2963 (27/12/19) 2964 (27/12/19)	68.482	51.533	175.291	163.033	188.500	-	13.235		1
2	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (GDI)	Nghĩa Hưng	16-20	2461 (31/10/16) 2551 (18/11/19)	153.787	153.787				18.430	10.130	18.410	-	18.410		1
3	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, cống đê Hữu sông Hồng và đê tả Đào huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Nam Trực	11-15	1959 (01/10/10); '1689A (11/10/11); 1702 (21/10/13)	405.854	365.000				-	-	-	-	-		-
	+ Xử lý 1 số hạng mục cấp bách				110.030	110.030				71.703	71.403	4.030	-	4.030		1
4	- Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ và phòng chống lụt bão tuyến đê biển tỉnh Nam Định	GT, HH, NH	13-17	1618 (24/10/12); 656 (02/5/13); 1034A (27/6/13)	254.943	117.900				-	-	-	-	-		-
	+ Giai đoạn I: Bố trí xử lý các đoạn đê cấp bách				86.000	72.900				60.650	60.350	1.380	-	1.380		1
5	- Củng cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh	GT, HH, NH	13-20	1681 (18/10/13) 213 (01/02/16)	391.435	330.000				-	-	-	-	-		-
	+ Bố trí xử lý các đoạn đê cấp bách				98.000	98.000				47.990	47.690	5.210	-	5.210		1

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bỏ trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Số vốn NSTW đã được giao KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa được giao chi tiết		Dự kiến kế hoạch năm 2021 nguồn NSTW		Số dự án
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW							
6	- Đầu tư củng cố, nâng cấp khản cấp tuyến đê hữu Hồng đoạn từ K156+621 đến K163+610, tỉnh Nam Định	Mỹ Lộc	13-18	1488 (16/9/13)	287.964	241.000				-	-	-	-	-		-
	+ Giai đoạn I: Bố trí xử lý các đoạn đê cấp bách				98.000	98.000				51.580	51.280	5.040	-	5.040		1
7	- Cải tạo, nâng cấp khản cấp tuyến đê tả sông Đào (từ K18+656 đến K30+073) huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Nghĩa Hưng	13-24	1335 (12/8/13) 347 (04/3/14) 2515 (12/11/19)	273.754	65.180				-	-	-	-	-		-
	+ Giai đoạn I: Kè Hạ Kỳ; Kè Hải Lạng; Kè Bình A; Kè Đắc Thắng				95.000	65.180				63.750	63.450	1.730	-	1.730		1
8	- Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đào, huyện Vụ Bản (Đã quyết toán hạng mục)	Vụ Bản	11-22	2393 (11/11/10); 1765 (19/10/11) 2433 (19/12/14) 230 (03/2/20) 1348 (9/6/20)	150.798	111.730	1877 (21/10/14)	38.350	30.500	99.880	91.730	20.000	-	20.000		1
14	- Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lạn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Giao Thủy	13-24	1621 (24/10/12) 2679 (21/11/17) 2603 (21/11/19) 2937 (25/12/19) 96 (10/01/20)	249.601	68.900				90.424	60.124	8.329	-	8.329		1
9	- Đầu tư Xây dựng cảng cá Quần Vinh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (GĐI)	Nghĩa Hưng	17-24	2437 (28/10/16) 2602 (21/11/19)	105.000	10.740				1.300	-	10.740	-	10.740		1
II	GIAO THÔNG				1.286.957	811.845	-	1.185.203	503.953	983.780	302.530	112.820	-	112.820	-	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2018				1.286.957	811.845	-	1.185.203	503.953	983.780	302.530	112.820	-	112.820	-	2

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Số vốn NSTW đã được giao KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa được giao chi tiết		Dự kiến kế hoạch năm 2021 nguồn NSTW		Số dự án	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW							
1	- Xây dựng Tỉnh lộ 488 đoạn từ đường 488C (50a cũ) đến Thị trấn Thịnh Long	Hải Hậu	14-18	218 (24/01/14) 927 (26/5/14) 1649 (22/9/14) 1868a (20/10/14) 1221 (29/6/15) 1629 (20/7/17)	792.027	406.902	2430 (31/10/18)	709.957	325.607	591.010	206.660	112.330	-	112.330	1	
2	- Cải tạo, nâng cấp đường 487 tìm kiếm cứu hộ cứu nạn đảm bảo an ninh quốc phòng tỉnh Nam Định	NH. NT, TN	14-18	2004 (31/10/14) 1835 (14/8/17) 2964 (21/12/17) 112 (08/02/18) 2301 (18/10/18)	494.930	404.943	2431 (31/10/18)	475.246	178.346	392.770	95.870	490	-	490	1	
III	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ				28.727	16.110	-	28.727	16.110	11.030	8.980	7.130	-	7.130	-	1
c	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán từ 01/01/2020 đến 31/10/2020				28.727	16.110		28.727	16.110	11.030	8.980	7.130	-	7.130	-	1
1	- Giai đoạn I dự án Xây dựng tuyến đường gom, đường vào khu công nghiệp Mỹ Trung, tỉnh Nam Định	TPND	17-20	1372 (19/6/17) 1511 (23/7/19)	28.727	16.110	2379 (23/9/20)	28.727	16.110	11.030	8.980	7.130	-	7.130		1
IV	VĂN HÓA				874.029	188.820	-	-	-	289.720	128.820	60.000	-	141.180	-	2
d	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				140.000	121.000	-	-	-	71.600	61.000	60.000	-	60.000	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục quần thể lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Xuân Trường	18-20	1787 (22/8/18) 41/NQ-HĐND (24/10/19) 1328 (05/6/20) 1386 (12/6/20)	140.000	121.000				71.600	61.000	60.000	-	60.000		1
e	Các công trình chuyển tiếp				734.029	67.820	-	-	-	218.120	67.820	-	-	81.180	-	1

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Số vốn NSTW đã được giao KH trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa được giao chi tiết		Dự kiến kế hoạch năm 2021 nguồn NSTW		Số dự án	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW							
2	- Đầu tư xây dựng Khu trung tâm lễ hội thuộc Khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	TPND	17-24	2095/QĐ-TTg (02/11/16) 2448 (30/10/17) 2547 (15/11/19) 2681 (09/11/20)	734.029	67.820				218.120	67.820	-		81.180		1
V	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				45.007	24.000	-	-	-	22.402	9.102	5.898	-	5.898	-	1
d	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				45.007	24.000	-	-	-	22.402	9.102	5.898	-	5.898	-	1
1	- Phát triển hạ tầng khung chính phủ điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020	ND	16-20	2361 (24/10/16) 2094 (27/9/19)	45.007	24.000				22.402	9.102	5.898	-	5.898		1
VI	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				204.578	202.969	-	16.643	15.898	38.647	36.070	470	-	470	-	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán đến 31/12/2018				32.032	31.275		16.643	15.898	14.595	13.550	180	-	180	-	1
1	- Xây dựng Trung Tâm dạy nghề kiểu mẫu huyện Hải Hậu	Hải Hậu	11-13	2331 (03/11/10) 1633 (26/9/11)	32.032	31.275	2927 (21/12/18)	16.643	15.898	14.595	13.550	180	-	180		1
d	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán				172.546	171.694	-	-	-	24.052	22.520	290	-	290	-	1
2	- Xây dựng Trường Trung cấp nghề Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Nam Định	Ý Yên	09-12	2563 (28/10/09) 1773 (30/8/10)	172.546	171.694				24.052	22.520	290	-	290		1
VII	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				59.370	14.540	-	-	-	5.300	5.000	9.540	-	9.540	-	1
e	Các công trình chuyển tiếp				59.370	14.540	-	-	-	5.300	5.000	9.540	-	9.540	-	1
1	- Cải tạo, nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền, tỉnh Nam Định	TPND	16-20	2138 (28/9/16) 2515 (06/11/18) 2640 (27/11/19)	59.370	14.540				5.300	5.000	9.540	-	9.540		1

[illegible]